

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tổng Nê**

2. Bà **Phạm Thị Xuân Tiên**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Kinh Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Hiền Diệu** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 697/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trương Thanh H**, sinh năm 1976; Trú tại: Số I, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1980; ĐKTT: Ấp D, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; Trú tại Số I, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trương Thanh H trình bày:

Ông H và bà Trần Thị Trúc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2001. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Ông H đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ khoảng 03 – 04 tháng nay. Do không còn tình cảm với bà L nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà Trần Thị Trúc L, ông H không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trương Thị Cẩm H1, sinh năm 2001 đã trưởng thành; Trương Minh K, sinh năm 2007. Ông H đồng ý để bà L tiếp tục nuôi cháu K, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Trúc L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà L, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Cẩm H1, sinh năm 2001 đã trưởng thành; bà L được tiếp tục nuôi Trương Minh K, sinh năm 2007, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung; nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trương Thanh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Trần Thị Trúc L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà L là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Trần Thị Trúc L có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2001 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của ông H, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản làm việc ngày 12/01/2024, cháu Trương Minh K (là con ruột của ông H và bà L) trình bày: Ông H và bà L hiện không sống chung khoảng 03 đến 04 tháng nay, các thông báo thụ lý và giấy mời của Tòa án bà L đều nhận được nhưng bà L từ chối đến Tòa án (BL34). Bản thân ông H vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà L. Bà Trần Thị Trúc L được Tòa án triệu tập hợp lệ

hiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt. Điều này cho thấy bà L đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho ông H và bà L không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông H và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà L là phù hợp quy định pháp luật. Ông H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận; bà L vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

[4] Về con chung: Ông H và bà L có 02 con chung tên: Trương Thị Cẩm H1, sinh năm 2001 đã trưởng thành và Trương Minh K, sinh năm 2007, hiện đang sống với bà L. Ông H đồng ý để bà L tiếp tục được cháu K, không cấp dưỡng. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Tại biên bản làm việc ngày 12/01/2024, cháu Trương Minh K (là con ruột của ông H và bà L) trình bày: Hiện tại K đã đi làm, nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên giao Trương Minh K, sinh năm 2007 cho bà Trần Thị Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L vắng mặt không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét đến. Trường hợp bà L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có, bà L vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông H phải chịu theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Thanh H đối với bà Trần Thị Trúc L. Ông Trương Thanh H được ly hôn với bà Trần Thị Trúc L. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Thanh H và bà Trần Thị Trúc L chấm dứt kể từ khi bản án

có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông Trương Thanh H không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn; bà L vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên: Trương Thị Cẩm H1, sinh năm 2001 và Trương Minh K, sinh năm 2007. Trương Thị Cẩm H1 đã trưởng thành nên không xét đến; bà Trần Thị Trúc L được nuôi Trương Minh K, sinh năm 2007. Bà Trần Thị Trúc L vắng mặt không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét đến. Trường hợp bà L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Ông Trương Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có, bà L vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Thanh H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0001734 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Trương Thanh H đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền